ỦY BAN NHÂN DÂN **TỈNH PHÚ THỌ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 804/QĐ-UBND	*Việt Trì, ngày 28 tháng 3 năm 2008*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc bổ sung bảng giá thu viện phí đối với Bệnh viện hạng 1

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Thông tư số 14/TTLB ngày 30/9/1995 của Liên Bộ Y tế - Tài chính – Lao động Thương binh và Xã hội – Ban Vật giá Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 2588/QĐ-UBND ngày 11/10/2004 của Chủ tịch UBND tỉnh Phú Thọ;

Căn cứ Quyết định số 2197/QĐ-CT ngày 19/7/2004 của Chủ tịch UBND tỉnh Phú Thọ;

Xét đề nghị của Sở Y tế tại Công văn số 128/SYT-TCKT ngày 18/3/2008,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Bổ sung bảng giá thu một phần viện phí quy định tại Quyết định số 2197/QĐ-CT ngày 19/7/2004 của Chủ tịch UBND tỉnh Phú Thọ đối với bệnh viện hạng 1 như phụ biểu đính kèm.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 01/4/2008.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Thủ trưởng các cơ quan: Sở Tài chính, Sở Y tế, Sở Lao động Thương binh và Xã hội, Cục thuế tỉnh, Kho bạc Nhà nước tỉnh, Bệnh viện đa khoa tỉnh Phú Thọ và các đơn vị có liên quan căn cứ Quyết định thực hiện.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

(Đã ký)

Nguyễn Ngọc Hải

PHỤ BIỂU

Kèm theo Quyết định số 804/QĐ-UBND ngày 28 tháng 3 năm 2008
của Chủ tịch UBND tỉnh Phú Thọ

STT	Nội dung	Giá thu (Bệnh viện hạng 1)
	Phần A: Khung giá khám bệnh và kiểm tra sức khỏe	
1	Khám bệnh theo yêu cầu (chọn thầy thuốc)	30.000
2	Khám cấp giấy chứng thương, giám định y khoa (không kể xét nghiệm X quang)	35.000
3	Khám sức khỏe toàn diện tuyển lao động, lái xe (không kể xét nghiệm X quang)	50.000
	Phần B: Khung giá một ngày giường bệnh	
1	Ngày giường bệnh hồi sức cấp cứu, ngày đẻ và 02 ngày sau đẻ	18.000
2	Ngày giường bệnh nội khoa	
	Loại 1: Các loại khoa: Truyền nhiễm, Hô hấp, Huyết học, Ung thư, Tim mạch, Thần kinh, Nhi, Tiêu hóa, Thận học, ngày thứ 3 sau đẻ trở đi, ngày điều trị ngoại khoa sau mổ kể từ ngày thứ 11 trở đi.	10.000
	Loại 2: Các loại khoa: Cơ xương – Khớp, Da liễu, Dị ứng, Tai – Mũi – Họng, Mắt, Răng – Hàm – Mặt, Ngoại, Phụ sản không mổ.	8.000
	Loại 3: Các loại khoa: Đông y, Phục hồi chức năng	6.000
3	Ngày giường bệnh ngoại khoa, bỏng	
	Loại 1: Sau các phẫu thuật đặc biệt, bỏng độ 3 -4 trên 70%	20.000
	Loại 2: Sau các phẫu thuật loại 1; bỏng độ từ 25 – 70%	15.000
	Loại 3: Sau các phẫu thuật loại 2; bỏng độ 2 trên 30%; bỏng độ 3 – 4 dưới 25%	10.000
	Loại 4: Sau các phẫu thuật loại 3; bỏng độ 1, bỏng độ 2 dưới 30%	8.000